

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN DƯƠNG KINH  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 11-8-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Thương

Ông Phạm Thanh Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H, nơi cư trú: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Vũ Văn T; nơi cư trú: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn T xây dựng gia đình với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục; chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, bà và ông Thỏa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự khác biệt về quan điểm sống, ông T thường xuyên chửi bới, thậm chí đánh đập và đe dọa bà. Bà và ông T sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Vào tháng 8/2019, bà đã làm đơn xin ly hôn ông T nhưng sau đó tòa án hòa giải nên bà đã rút đơn. Đến nay, ông T vẫn không thay đổi cách sống nên mâu thuẫn giữa bà và ông T ngày càng căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Th, sinh năm 1991 và Vũ Thị H, sinh năm 1995 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp lời khai. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng ông T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà H được ly hôn ông T. Về con chung và tài sản chung, không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Bùi Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với ông Vũ Văn T cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần thứ hai và tổng đạt hợp lệ cho ông T nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Bà Bùi Thị H và ông Vũ Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông T đã hòa giải nhưng không thành, hiện tại ông bà đã sống ly thân. Năm 2019, bà H đã làm đơn xin ly hôn ông T, bà đã rút đơn ly hôn để vợ chồng hòa giải nhưng không hòa giải được. Bà H làm đơn ly hôn, ông T tuy không mong muốn ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Các con đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[5] Bà H không yêu cầu, ông T cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không phải xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Bà Bùi Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Bà Bùi Thị H và ông Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228 và điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn ông Vũ Văn T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí tòa án đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0014367 ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TANDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND phường Hòa Nghĩa (ĐKKH số 20/2018);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**